

**CÔNG TY TNHH SX TM DV CHI NGUYỄN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SX TM DV CHI NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109531104

**3. Ngày thành lập:** 25/02/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 180 Thượng Đình, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904799660

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: -Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác -<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán<br>buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn<br>và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội<br>thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm -<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác<br>cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649(Chính) |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4641        |
| 3.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690        |
| 4.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4719        |
| 5.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn<br>thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4741        |
| 6.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4742        |
| 7.  | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa<br>hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4751        |
| 8.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4759        |
| 9.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng<br>chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4761        |
| 10. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng)<br>trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4762        |
| 11. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng<br>chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4763        |
| 12. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4764        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 4771 |
| 14. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                            | 4772 |
| 15. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ kim tiền, súng đạn, tem và các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                    | 4773 |
| 16. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                | 4774 |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                       | 4791 |
| 18. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                  | 4799 |
| 19. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                             | 4620 |
| 20. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4632 |
| 21. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4633 |
| 22. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác<br>Chi tiết: - Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như: + Vải nhung và vải bông, + Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự, + Các loại vải bằng đan móc khác; - Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may đan. | 1391 |
| 23. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1392 |
| 24. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1393 |
| 25. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1394 |
| 26. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                             | 1399 |
| 27. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1430 |
| 28. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1410 |
| 29. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                                     | 1512 |
| 30. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1520 |
| 31. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                           | 1629 |
| 32. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1701 |
| 33. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                | 1702 |
| 34. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1811 |
| 35. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1812 |
| 36. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                             | 2023 |
| 37. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3240 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: -Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển | 7730 |
| 39. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7721 |
| 40. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7722 |
| 41. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7729 |
| 42. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7911 |
| 43. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7912 |
| 44. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                        | 7990 |
| 45. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8220 |
| 46. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8230 |
| 47. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                               | 8299 |
| 48. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Trung tâm đào tạo ngoại ngữ, Trung tâm tư vấn du học                                                                                                                                                                                                                                  | 8560 |
| 49. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5820 |
| 50. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;                                                                                                                                                                   | 5229 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ PHƯƠNG THANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 05/10/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 031188001564

Ngày cấp: 08/03/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 176 Thượng Đình, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 176 Thượng Đình, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội